

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 21/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn giữa anh

Thượng và chị Nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiên và bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1985;

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh B Nơi cư trú: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh B

(Anh T và chị N vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn – anh Lê Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 25/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại xã M. Vợ chồng chung sống đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống sau đó chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn L, xã V sinh sống từ tháng 10/2020 đến nay. Từ khi chị N về nhà ngoại đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, cả hai không còn quan

tâm đến nhau nữa, anh phải một mình nuôi con nhỏ. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị N.

Về con chung: Anh Lê Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thành H, sinh ngày 23/8/2009. Hiện con chung đang sống cùng anh T. Ly hôn, anh nhận trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 25/11/2008. Vợ chồng chị chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Chị đã về nhà bố mẹ để ở từ cuối năm 2010 đến nay và sống ly thân với anh T, vợ chồng không quan tâm nhau nữa. Nay anh T xin ly hôn, mặc dù không còn tình cảm nhưng do chị là người theo đạo công giáo nên không thể đồng ý ly hôn, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị đã nhận được các thông báo thụ lý vụ án, triệu tập và thông báo phiên họp của Tòa án nhưng do điều kiện công việc nên chị không đến Tòa án làm việc được, chị xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và các phiên tòa.

Về con chung: Chị Đỗ Thị N xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thành H, sinh ngày 23/8/2009. Hiện con chung đang sống cùng anh T. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, do công việc không ổn định nên chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không hòa giải được nên phải đưa ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh B và hiện đang cư trú tại thôn L, xã V huyện T, tỉnh B, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thay đổi nơi cư trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị Nhân N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay nhưng cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Mặc dù chị N không đồng ý ly hôn nhưng chị không đến Tòa án để Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng và cũng biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân, đồng thời chị cũng xác định không còn tình cảm với anh T, chị không đồng ý ly hôn chỉ vì chị là người theo đạo công giáo nên không thể ly hôn như vậy thể hiện chị không còn tha thiết đoàn tụ với anh T. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mọi cá nhân không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng đều bình đẳng với nhau và đều có quyền được ly hôn. Việc ly hôn với người bên đạo được giải quyết hoàn toàn giống với thủ tục ly hôn thông thường. Do đó, mặc dù chị N không đồng ý ly hôn nhưng tình trạng hôn nhân của anh T và chị N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị Nhân N xác định vợ chồng có 01 con chung là Lê Thành H, sinh ngày 23/8/2009. Xét thấy, anh T và chị N đều có nguyện vọng giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, con Lê Thành H cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T vì vậy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện, cần chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Lê Văn T ly hôn chị Đỗ Thị N.

2. *Về con chung*: Giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi con Lê Thành H, sinh ngày 23/8/2009. Anh Lê Văn T không yêu cầu chị Đỗ Thị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đỗ Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004275 ngày 20/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Anh Lê Văn T và chị Đỗ Thị N vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã M (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thế Tương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Tương